

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST.

Ngày 22/4/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Phúc và ông Trần Đình Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP BDLV; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà A, số 210 đường Trần Quang K, phường Tràng T, quận Hoàn K, Thành Phố HN.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Công H; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm giám sát kinh doanh Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh QT; địa chỉ: Số 72 Quốc lộ 9, Phường A, thành phố ĐH, tỉnh QT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV và văn bản ủy quyền số: 802/2020/QĐ-LPB.QTR ngày 03/12/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh QT) - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Quang M; địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thành phố ĐH, tỉnh QT - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV trình bày:

Ngày 22/6/2017, Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh QT ký Hợp đồng tín dụng số: HĐTD46020171746 với ông Đỗ Quang M và đã cấp tín dụng cho ông M vay số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày 23/6/2017 đến ngày 22/6/2022; lãi suất cho vay trong hạn: 11,25%/năm cố định trong 3 tháng đầu, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần trong suốt thời

gian cho vay; thời hạn trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 15 của mỗi tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 7/2017. Sau khi nhận nợ tiền vay, ông M không thực hiện việc trả nợ đến hạn theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng nên ngày 25/3/2019 ngân hàng đã chuyển khoản nợ tiền vay của ông M sang nợ quá hạn.

Kể từ khi khoản vay của ông M bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh QT đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng vẫn không có kết quả. Tính đến ngày 22/4/2021, tổng dư nợ của ông Đỗ Quang M còn nợ Ngân hàng TMCP BDLV số tiền 168.920.317 đồng; trong đó: Nợ tiền gốc: 129.271.876 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 23.485.836 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 16.162.639 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP BDLV yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Đỗ Quang M phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/4/2021) với tổng số tiền còn nợ trên và buộc ông M tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP BDLV trên số tiền chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng.

2. *Đối với bị đơn ông Đỗ Quang M:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải.

3. *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV, buộc bị đơn ông Đỗ Quang M phải trả toàn bộ khoản nợ tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP BDLV tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/4/2021) với tổng số tiền 168.920.317 đồng; trong đó: Nợ tiền gốc 129.271.876 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 23.485.836 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 16.162.639 đồng.

+ Về án phí: Buộc bị đơn ông Đỗ Quang M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần cùng với khu phố đến nhà của bị đơn ông Đỗ Quang M để cấp, tổng đạt văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng không được nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng và niêm yết văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ theo quy

định của pháp luật. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ 2 lần văn bản Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn ông M đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

- Lý do niêm yết: Tại thời điểm giao dịch ký hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng ông M có địa chỉ cư trú tại: Khu phố 3, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Quá trình thực hiện hợp đồng địa chỉ của ông M cũng thể hiện là khu phố 3, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, sau khi thu lý vụ án, Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thì Công an Phường 1, thành phố Đông Hà cho biết: Ông M có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu phố 3, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Nhưng hiện không có mặt tại địa phương. Do đó cho thấy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án đúng địa chỉ của bị đơn. Việc bị đơn hiện không có mặt tại địa chỉ cư trú và không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ cư trú của mình là cố tình dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ 2 lần văn bản thông báo tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV về việc yêu cầu bị đơn ông Đỗ Quang M phải trả khoản nợ tiền vay cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2021) với tổng số tiền 168.920.317 đồng, gồm: Nợ tiền gốc 129.271.876 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 23.485.836 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 16.162.639 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 22/6/2017, Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh QT với ông Đỗ Quang M hai bên đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: HĐTD46020171746 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo về mặt hình thức và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm được ký kết. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: HĐTD46020171746 ký kết ngày 22/6/2017 thì Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh QT cho ông M vay với số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày 23/6/2017 đến ngày 22/6/2022; lãi suất cho vay trong hạn: 11,25%/năm cố định trong 3 tháng đầu, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần trong suốt thời gian cho vay; về trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 15 của mỗi tháng, chia thành 59 kỳ trả nợ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 7/2017. Trong đó: 95 kỳ đầu, mỗi kỳ trả 3.368.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.288.000 đồng. Tiền lãi được trả vào ngày 15 của mỗi tháng, bắt đầu trả lãi từ tháng 7/2017 trên số dư nợ gốc thực tế.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh QT đã giải ngân cho ông M vay với số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 22/6/2017. Tuy nhiên, sau khi nhận nợ tiền vay, đến hạn trả nợ thì ông M không trả được nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Cụ thể: Ông M chỉ mới trả được nợ tiền gốc cho ngân hàng 21 kỳ với số tiền 70.728.000 và trả tiền lãi đến ngày 16/4/2019 thì đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông M sang nợ quá hạn vào ngày 25/3/2019. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn, ngân hàng cũng đã nhiều lần yêu cầu ông M trả nợ nhưng ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó cho thấy, ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận: Khoản vay sẽ bị bên cho vay đơn phương chấm dứt sớm và thu hồi nợ trước thời hạn trong các trường hợp sau “*Bên vay vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng và các văn bản cam kết khác của bên vay đối với bên cho vay*”. Do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP BDLV đã đơn phương chấm dứt hợp đồng và khởi kiện yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/4/2021), ông M còn nợ Ngân hàng TMCP BDLV phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: HĐTD46020171746 ký kết ngày 22/6/2017 với tổng số tiền 168.920.317 đồng; trong đó: Nợ tiền gốc 129.271.876 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 23.485.836 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 16.162.639 đồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ trên.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện yêu cầu bị đơn ông M phải trả nợ tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền 168.920.317 đồng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.446.000 đồng {168.920.317 đồng x 5% = 8.446.000 đồng} theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 351, Điều 352, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV, buộc bị đơn ông Đỗ Quang M phải trả toàn bộ khoản nợ tiền vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: HĐTD46020171746 ký kết ngày 22/6/2017 cho Ngân hàng TMCP BDLV tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/4/2021) với tổng số tiền 168.920.317 đồng; trong đó: Nợ tiền gốc 129.271.876 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 23.485.836 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 16.162.639 đồng.

Bị đơn ông Đỗ Quang M có nghĩa vụ tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2021) theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HĐTD46020171746 ký kết ngày 22/6/2017 cho đến khi trả hết số nợ tiền vay nêu trên.

2. Về án phí:

- Ông Đỗ Quang M phải chịu 8.446.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP BDLV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.079.000 đồng (*Bốn triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000859 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, DA.

Tạ Minh Khôi